

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/KDTM - ST

Ngày: 23 - 9 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trung Dũng

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2022/TLST-KDTM ngày 23 tháng 9 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng (chuyển thụ lý từ vụ án dân sự số: 147/2021/TLST-DS ngày 07/6/2021), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) K

Trụ sở: đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M – Chức vụ: Tổng giám đốc ngân hàng TMCP K.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Lê Thụy Thủy T2 – Chức vụ: Quyền Giám đốc ngân hàng TMCP K – chi nhánh Rạch Giá. (Theo Giấy uỷ quyền số 75/UQ-NHKL ngày 17/01/2022)

Người nhận uỷ quyền lại: Ông Huỳnh Quang Minh V – Chức vụ: Phó phòng khách hàng cá nhân ngân hàng TMCP K – chi nhánh Rạch Giá. (Theo Giấy uỷ quyền số 84/UQ-CNRRG ngày 11/3/2022) (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường T4, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị Út T1, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường T4, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và chị Lê Thị Út T1 có vay tiền tại ngân hàng TMCP K – chi nhánh Rạch Giá (sau đây gọi tắt là ngân hàng) theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng thế chấp, cầm cố số 740942 + 740944/HĐTD-CC ngày 04/3/2019. Cụ thể như sau:

- Số tiền vay: số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng)
- Mục đích: Kinh doanh mua bán
- Thời hạn vay: 150 ngày
- Ngày giải ngân: 04/3/2019, ngày đến hạn: 01/8/2019
- Lãi suất cho vay: 16%/năm.
- Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả.
- Hình thức thanh toán: Bà T và chị T1 phải trả góp vốn gốc và lãi vay theo định kỳ hàng ngày, kể từ ngày 05/3/2019 đến ngày 01/8/2019, số tiền trả mỗi ngày là 426.301 đồng.

Tài sản đảm bảo nợ vay là 02 xe mô tô, cụ thể như sau:

- Xe máy hai bánh nhãn hiệu SYM, loại ATTILABLI, màu đỏ, biển kiểm soát 68X1-047.59 theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 032257 do Công an thành phố Rạch Giá cấp ngày 29/3/2017 đứng tên Lê Thị Út T1;
- Xe máy hai bánh nhãn hiệu SYM, loại ATTILA-VUA, màu đỏ, biển kiểm soát 68K1-011.39 theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003091 do Công an huyện Kiên Lương cấp ngày 23/02/2012 đứng tên Nguyễn Ngọc Tuyết M; có giấy xác nhận bán xe ngày 03/01/2018 cho bà Nguyễn Thị T.

Trong quá trình vay vốn, bà T và chị T1 chỉ thanh toán cho Ngân hàng được số tiền gốc và lãi tính đến ngày 17/6/2019 là 44.761.605 đồng. Hợp đồng nêu trên yêu cầu bên vay phải trả gốc và lãi hằng ngày, tuy nhiên sau ngày 17/6/2019 bà T và bà T1 không tiếp tục trả tiền theo thỏa thuận nên đã vi phạm cam kết theo hợp đồng tín dụng.

Tại Đơn khởi kiện ngày 17/6/2020 ngân hàng yêu cầu buộc bà T và chị T1 cùng có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt điểm hợp đồng. Trường hợp bà T và chị T1 không trả được nợ, hoặc trả nợ không đầy đủ, thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản cầm cố để thu hồi nợ.

Tại phiên hòa giải ngày 29/7/2022 và tại phiên tòa hôm nay, ông Huỳnh Quang Minh V - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác nhận hợp đồng tín dụng được ký kết giữa bà T và ngân hàng, còn chị T1 tham gia với tư cách là người liên đới trách nhiệm. Đối với 02 xe mô tô là tài sản bảo đảm cho khoản vay thì ngân hàng chỉ giữ giấy tờ xe còn 02 xe do bên vay quản lý thông qua Biên bản thỏa thuận gửi giữ tài sản lập ngày 04/3/2019; đối với chiếc xe biển kiểm soát 68K1-011.39 theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003091 do Công an huyện Kiên Lương cấp ngày 23/02/2012 đứng tên Nguyễn Ngọc Tuyết M, tại thời điểm ký kết hợp đồng vẫn chưa làm thủ tục sang tên cho bà Nguyễn Thị T. Do đó, ngân hàng đồng ý rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo nợ vay và yêu cầu buộc chị T1 cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng. Nay ngân hàng chỉ yêu cầu bà T là người phải chịu trách nhiệm trả số nợ theo hợp đồng tín dụng, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/9/2022) bao gồm: nợ gốc 18.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 347.178 đồng; nợ lãi quá hạn là 13.599.123 đồng; tổng cộng là 31.946.301 đồng và tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 24/9/2022 đến khi tất toán hết nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Út T1 không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo

quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 và Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số nợ theo hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/9/2022) bao gồm: nợ gốc 18.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 355.068 đồng; nợ lãi quá hạn 13.599.123 đồng; tổng cộng là 31.946.301 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong số nợ trên. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản đảm bảo nợ vay và yêu cầu buộc chị T1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử Toà án xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng, do nguyên đơn ngân hàng TMCP K xác định đây là hợp đồng tín dụng cho cá nhân vay, không biết bên vay có đăng ký kinh doanh hay không. Tuy nhiên, căn cứ Công văn số: 51/TCKH-ĐKKD ngày 14/9/2022 của Phòng Tài chính – kế hoạch Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá đã xác định bà Nguyễn Thị T có đăng ký kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 56A8012177, đăng ký lần đầu ngày 27/9/2010, do bà T làm đại diện, ngành nghề kinh doanh dịch vụ cầm đồ. Đồng thời tại Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng thế chấp, cầm cố số 740942 + 740944/HĐTD-CC ngày 04/3/2019 xác định mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung vốn kinh doanh. Như vậy có đủ cơ sở xác định đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên được xác định là loại án kinh doanh thương mại theo khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định chuyển vụ án từ thụ lý vụ án dân sự số: 147/2021/TLST-DS ngày 07/6/2021 thành thụ lý vụ án kinh doanh thương mại số: 29/2022/TLST-KDTM ngày 23 tháng 9 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Út T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và chị T1.

[2] Về nghĩa vụ chứng minh của bị đơn:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị T như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên bà T không có mặt theo thông báo của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như xác định trách nhiệm của mình đối với khoản vay nguyên đơn yêu cầu trả hoặc có ý kiến phản đối lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết. Căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự thì *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”* và *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Như vậy, bà T đã không tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và phải chịu hậu quả về việc không chứng minh được. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về Hợp đồng tín dụng:

Giữa ngân hàng TMCP K - chi nhánh Rạch Giá và bà Nguyễn Thị T đã ký kết Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng thế chấp, cầm cố số 740942 + 740944/HĐTD-CC ngày 04/3/2019; căn cứ Phiếu chi ngày 04/3/2019 xác định số tiền vay là 60.000.000 đồng; mục đích sử dụng tiền vay: bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay: 150 ngày; ngày giải ngân: 04/3/2019, ngày đến hạn: 01/8/2019; lãi suất cho vay: 16%/năm; lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả; hình thức thanh toán: phải trả góp vốn gốc và lãi vay theo định kỳ hàng ngày, kể từ ngày 05/3/2019 đến ngày 01/8/2019, số tiền trả mỗi ngày là 426.301 đồng.

Xét thấy hợp đồng tín dụng nêu trên đã được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện và thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật; do đó, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng TMCP K - chi nhánh Rạch Giá và bà Nguyễn Thị T là hợp pháp.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bên vay chỉ thanh toán cho Ngân hàng được số tiền gốc và lãi tính đến ngày 17/6/2019 là 44.761.605 đồng (426.301 đồng/ngày x 105 ngày); bao gồm nợ gốc đã trả là 42.000.000 đồng; lãi trong hạn đã trả là 2.761.605 đồng. Hợp đồng nêu trên quy định phương thức thanh toán gốc và lãi theo định kỳ hàng ngày, như vậy bà T đã vi phạm nghĩa vụ đối với bên vay được quy định tại Điều 4 của hợp đồng tín dụng; cụ thể là vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi trong hạn từ ngày 18/6/2019 đến hết ngày 01/8/2019; vi phạm lãi quá hạn từ ngày 02/8/2019 cho đến nay.

Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức, tín dụng năm 2010 quy định về việc thỏa thuận lãi suất trong hoạt động kinh doanh tín dụng và khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và căn cứ vào hợp đồng tín dụng hai bên đã giao kết; xét thấy buộc bên vay là bà T phải có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng toàn bộ nợ vay gốc còn thiếu là 18.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là đúng quy định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số nợ vay gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử hôm nay (23/9/2022) bao gồm: nợ gốc 18.000.000 đồng, lãi trong hạn 347.178 đồng, lãi quá hạn 13.599.123 đồng; tổng cộng là 31.946.301 đồng; đồng thời buộc bị đơn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên hợp đồng tín dụng từ ngày 24/9/2022 cho đến khi thanh toán dứt điểm hợp đồng.

[4] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến tài sản đảm bảo nợ vay và trách nhiệm liên đới trả nợ của chị Lê Thị Út T1:

Theo Hợp đồng thể hiện bên vay cầm cố tài sản để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay là 02 xe mô tô, cụ thể như sau:

- Xe máy hai bánh nhãn hiệu SYM, loại ATTILABLI, màu đỏ, biển kiểm soát 68X1-047.59 theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 032257 do Công an thành phố Rạch Giá cấp ngày 29/3/2017 đứng tên chị Lê Thị Út T1;

- Xe máy hai bánh nhãn hiệu SYM, loại ATTLA-VUA, màu đỏ, biển kiểm soát 68K1-011.39 theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003091 do Công an huyện Kiên Lương cấp ngày 23/02/2012 đứng tên Nguyễn Ngọc Tuyết M; có kèm giấy bán xe ngày 03/01/2018 cho bà Nguyễn Thị T; tuy nhiên tại thời điểm ký kết hợp đồng vẫn chưa làm thủ tục sang tên cho bà T.

Sau đó hai bên lập Biên bản thoả thuận gửi giữ tài sản ngày 04/3/2019 có nội dung ngân hàng gửi tài sản cầm cố nêu trên cho bà T giữ. Do đó trên thực tế 02 chiếc xe này vẫn do bên vay là bà T và chị T1 quản lý.

Về phía đại diện ngân hàng đã có ý kiến rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc xử lý tài sản cầm cố là 02 chiếc xe nêu trên trong trường hợp bên vay không trả được nợ; đồng thời do hợp đồng ghi nhận người liên đới trách nhiệm là chị T1; nhưng chị T1 lại không ký tên trong hợp đồng; nên ngân hàng cũng tự nguyện rút lại yêu cầu về việc buộc chị T1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ chung với bà T.

Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện và đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút.

[5] Từ những phân tích nêu trên, trong thảo luận nghị án Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng TMCP K số tiền vay gốc và lãi tạm tính đến ngày 23/9/2022 là 31.946.301 đồng; đồng thời bà T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 24/9/2022 cho đến khi tất toán hết nợ. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo nợ vay và yêu cầu buộc chị T1 liên đới cùng trả nợ.

[6] *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:* Căn cứ khoản 2 Điều 26 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Bị đơn bà T phải chịu án phí trên số tiền bị buộc trả 31.946.301 đồng đồng, án phí được xác định là 1.597.315 đồng.

Nguyên đơn ngân hàng TMCP K được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 570.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001357 ngày 28/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 227, 228, 266, Điều 273, **khoản 2 Điều 244** của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T.

2. Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền vay gốc và lãi tạm tính đến ngày 23/9/2022 là 31.946.301 đồng (ba mươi một triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm lẻ một đồng), trong đó: nợ gốc 18.000.000 đồng, lãi trong hạn 347.178 đồng, lãi quá hạn 13.599.123 đồng đồng và tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 24/9/2022 cho đến khi tất toán hết nợ.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo nợ vay và yêu cầu về việc buộc chị Lê Thị Út T1 liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cùng bà Nguyễn Thị T.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí là 1.597.315 đồng (một triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm mười lăm đồng).

Nguyên đơn ngân hàng TMCP K được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 570.000 đồng (năm trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001357 ngày 28/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; đương sự có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt

thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Rạch Giá;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.Rạch Giá;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Hồng Thắm